TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 262/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa:

Chị Lê Thị Kim C, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 27, phố 3, ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Anh Vòng Sỳ L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 27, phố 3, ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Kim C và anh Vòng Sỳ L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim C và anh Vòng Sỳ L cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị C, anh L có 01 con chung tên Vòng Ngọc H, sinh ngày 14/9/2013. Các bên thỏa thuận giao cháu H cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2020.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 150.000đ. Chị C, anh L mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm thuận tình ly hôn là 75.000đ. Án phí về cấp dưỡng nuôi con anh L phải chịu 150.000đ. Chị C tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ và án phí cấp dưỡng là 150.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị C đã nộp theo biên lai số 0005183 ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí chị C phải chịu. Chị C đã nộp xong án phí.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Hà